

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

Bột gỗ rắn

Mục 1: Sản phẩm hóa học và Nhà cung cấp

Tên MSDS : Bột gỗ rắn
Tên khác : Bột gỗ rắn đã được tẩy trắng, sợi cellulose dùng cho thực phẩm
Công ty : Tradeasia International Pte Ltd
Địa chỉ : 133 Cecil Street # 12-03 Keck Seng Tower, Singapore
Tel: +65-6227 6365
Fax: +65-6225 6286
Email: contact@chemtradeasia.com

Mục 2: Thành phần và thông tin về nguyên liệu

Thành phần	Mã số CAS	Phần trăm khối lượng
Bột cellulose	65996-61-4	86-90

Dữ liệu về độc tính của thành phần: Không có.

Mục 3: Nhận dạng các mối nguy hại

An toàn cơ bản/những nguy hại ảnh hưởng đến sức khỏe:

Cảnh báo: bột cellulose đã qua xử lý có nguy cơ bùng cháy, nếu nồng độ bụi của bột gỗ trong không khí đủ lớn, hay có nguồn kích cháy trong khu vực chứa. Các tấm giấy khi được vận chuyển sẽ không có nguy cơ gây nổ. Người dùng sản phẩm này nên kiểm tra khả năng sản sinh bụi trong suốt quá trình thao tác và các nguy hại có thể gây cháy, nổ. Xem thêm thông tin ở SDS. Nguy hại sức khỏe cơ bản gây ra bởi sản phẩm này là do tiếp xúc với bụi cellulose.

Đường xâm nhập tiếp xúc: hít phải hay tiếp xúc mắt.

Các triệu chứng gây ra bởi tiếp xúc:

Bụi bột gỗ có thể kết tụ trong hệ hô hấp và gây dị ứng.

Bộ phận quan trọng: mắt và hệ hô hấp.

Các dấu hiệu và triệu chứng của tiếp xúc:

Các nguy hại cấp tính:

Không có ở sản phẩm thương mại. Bụi của bột gỗ có thể là tác nhân kích ứng cơ học đối với mắt.

Các nguy hại mãn tính:

Bột gỗ chưa gây ảnh hưởng độc hại hay bệnh tật nguy hiểm nào cho con người khi đạt tới giới hạn tiếp xúc. Cellulose tan kém trong nước và có độ độc hại thấp.

Tác nhân gây ung thư:

Cellulose không được xem là tác nhân gây ung thư theo OSHA, NTP hay IARC.

Mục 4: Các biện pháp sơ cứu

Nuốt phải: không xảy ra đối với sản phẩm thương mại.

Tiếp xúc với mắt

Bụi có thể gây các kích ứng cơ học cho mắt, dẫn đến bị mắt đỏ hay nhắm mắt. Khi mắt bị kích ứng, rửa mắt với nhiều nước để loại bỏ các hạt bụi. Gọi sự hỗ trợ y tế nếu kích ứng vẫn tiếp tục.

Tiếp xúc da: không có ở các sản phẩm dạng thương mại. Nếu bị kích ứng, rửa da với kem làm dịu và nước.

Hấp thụ qua da: sản phẩm không hấp thụ qua da.

Hít phải:

Nồng độ bụi quá mức có thể gây nghẹt mũi, tạo cảm giác khó chịu. Ra vùng không khí sạch ngay lập tức. Gọi sự hỗ trợ y tế nếu kích ứng vẫn tiếp tục, ho nhiều hoặc khó thở xảy ra.

Chú ý cho người trợ giúp: không có dụng cụ chuyên dụng, xử lý theo triệu chứng của người bệnh.

Tỉ lệ HMIS (cỡ 0-4): sức khỏe=0 lửa=1 nguy hại vật lý= 0.

Mục 5: Dữ liệu cháy, nổ

Nhiệt độ tự bắt lửa : không có.

Điểm chớp cháy : không có dữ liệu cho sản phẩm cuối.

Giới hạn cháy : UFL = không có dữ liệu. LFL = xem trong mục “các nguy cơ cháy nổ bất thường”

Phương pháp chữa cháy: sử dụng nước, hóa chất khô, cacbon dioxit hoặc bột chữa cháy.

Nhiệt độ tự cháy: 450-572°C.

Quy trình chữa cháy đặc biệt:

Trong bất kỳ tình huống nào, phải sử dụng máy hô hấp đã được NIOSH kiểm định và trang phục bảo hộ phù hợp.

Các nguy cơ cháy, nổ bất thường:

Quá trình xử lý bột gỗ có thể phát tán các sợi cellulose. Sự vận chuyển bột là chưa đủ để gây ra nguy cơ cháy nổ, còn phụ thuộc vào nồng độ các chất lơ lửng trong không khí, độ ẩm, đường kính hạt, diện tích bề mặt và tiếp xúc với nguồn kích cháy. Bụi của bột gỗ có thể bốc cháy nếu được kích hoạt trong không gian kín hoặc hở. Khả năng bùng cháy của bột gỗ được đánh giá dựa trên các điều kiện của từng địa điểm, nơi xử lý bột gỗ. Cần phải thận trọng trong các bước xử lý, vận chuyển và thao tác, sử dụng sản phẩm này, cụ thể bụi sẽ được sản sinh khi sản phẩm ở dạng khô.

Đánh giá NFPA (cỡ 0-4): sức khỏe = 0 lửa = 1 hoạt tính = 0

Mục 6: Biện pháp xử lý rò rỉ

Các bước xử lý trong trường hợp sản phẩm rò rỉ

Quét hoặc dùng máy hút để thu hồi và thải bỏ. Tránh tạo ra bụi bất cứ khi nào có thể. Duy trì vệ sinh tốt để tránh bụi tích tụ lên các bề mặt tiếp xúc. Sử dụng mặt nạ hay kính bảo hộ đã được NIOSH kiểm định ở những nơi sự thông gió không thể thực hiện hay giới hạn tiếp xúc có thể đã vượt mức cho phép, hay để làm tăng sự thoải mái cho người làm việc.

Đề phòng khác:

Giảm thiểu dòng khí thổi ngược hoặc những loại hạt khác có khả năng sản sinh bụi.

Mục 7: Thao tác và tồn trữ

Các đề phòng cần được thực hiện trong thao tác và tồn trữ:

Hạn chế sản sinh và kết tụ bụi. Giữ sản phẩm ở những nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa ngọn lửa và các nguồn kích cháy khác. Duy trì vệ sinh tốt để tránh kết tụ bụi cellulose trên các bề mặt tiếp xúc. Bụi cellulose chứa ẩn nguy cơ bùng cháy, bởi vì kích thước của các cuộn hay gói sản phẩm, các nguy hại vật lý là có thể khống chế được. Các kiện hàng nên được đặt trên bề mặt phẳng, sạch sẽ để tránh bị lật đổ. Tất cả các vật liệu giấy nên giữ tránh xa ngọn lửa.

Mục 8: Kiểm soát tiếp xúc và bảo hộ cá nhân

Kiểm soát kỹ thuật: các trang thiết bị và tiện nghi hỗ trợ nên được cài đặt là bể rửa mắt tiện dụng và vòi nước an toàn. Sử dụng hệ thống thông gió thích hợp để giữ cho nồng độ các chất lơ lửng trong không khí dưới ngưỡng tiếp xúc.

Giới hạn tiếp xúc

Tên hóa học	CAS	%	Quy chuẩn	Giới hạn tiếp xúc	Chú thích
Cellulose (C ₆ H ₁₀ O ₅) _n	65996-61-4	90-95	OSHA	PEL-TWA 15 mg/m ³ (PNOR) ¹	Tổng lượng bụi
			OSHA	PEL-TWA 5 mg/m ³ (PNOR) ¹	Lượng bụi có thể thở
			ACGIH	TLV-TWA 10mg/m ³ Cellulose	Tổng lượng bụi

Các thiết bị bảo hộ cá nhân:

Bảo vệ hô hấp:

Sử dụng mặt nạ và kính bảo hộ đã được NIOSH kiểm định ở những nơi không thể thông gió và có thể vượt quá giới hạn tiếp xúc hay để tăng thêm sự thoải mái cho người làm việc hoặc ở nơi đã nhận thấy có sự xuất hiện của các triệu chứng. Sử dụng các thiết bị bảo vệ hô hấp phải tuân theo các quy định về tiêu chuẩn bảo vệ hô hấp của OSHA-29 CFR 1910.134.

Găng tay bảo hộ:

Không yêu cầu. Tuy nhiên, quần áo, vải bạc hay bao tay da đều được khuyến khích để tối thiểu nguy cơ bị kích ứng khi thực hiện các thao tác.

Bảo vệ mắt:

Kính bảo hộ đã được kiểm định, hay kính có bộ phận nối chặt đều được khuyến khích sử dụng khi vượt quá giới hạn tiếp xúc với bụi hoặc khi kích ứng mắt xảy ra.

Trang phục hoặc thiết bị bảo hộ khác:

Không có áp dụng cho sản phẩm thương mại. Các trang phục chuyên dụng khác là cần thiết cho môi trường làm việc nhiều bụi bẩn.

Dọn dẹp vệ sinh

Thực hiện vệ sinh và quản lý kho bãi tốt. Lau chùi những khu vực có nhiều bụi cellulose đóng lắng để tránh tích tụ quá nhiều. Hạn chế dòng khí thổi ngược hoặc những hoạt động làm sản sinh nhiều bụi lơ lửng.

Sự thông gió:

SỰ XẢ HƠI CỤC BỘ

Tạo sự xả hơi cục bộ khi đạt ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Sử dụng hệ thống thông gió thích hợp để đảm bảo mức độ tiếp xúc được duy trì dưới các mức đã cung cấp như trên. Sử dụng hệ thống xả hơi cục bộ và hàng rào công nghệ nếu cần thiết, để kiểm soát lượng bụi lơ lửng. Và hệ thống này phải được xem xét kỹ lưỡng nên đặt ở những nơi có nồng độ bụi cao và sự có mặt của các tác nhân kích cháy. Sự thiết kế và vận hành của hệ thống xả nên xem xét dựa trên khả năng tạo nên nồng độ có thể gây nổ của bụi. Xem “ĐẶC BIỆT” ở mục dưới.

CƠ HỌC (tổng quát)

Tạo sự thông gió cho toàn bộ quy trình và khu vực lưu trữ để không đạt đến giới hạn tiếp xúc.

ĐẶC BIỆT

Đảm bảo rằng hệ thống xả và hệ thống vận chuyển vật liệu sản phẩm này đều có van an toàn được thiết kế và vận hành tuân theo các tiêu chuẩn.

Mục 9: Các tính chất vật lý và hóa học

Hình dạng vật lý	: tấm giấy, cuộn, kiện hàng. Màu trắng.
Công thức phân tử	: không có.
pH (1% dung môi)	: không có.
Điểm sôi	: không có.
Nhiệt độ tới hạn	: không có.
Điểm chảy	: không có.
Tỉ trọng	: 0.6-0.8
Áp suất hơi	: không có.
Khối lượng riêng hơi	: không có.
Ngưỡng mùi	: không có dữ liệu.
Khả năng tan trong nước	: không có.

Độ nhớt : không có.

% bay hơi thể tích : không có.

Mục 10: Độ Ổn định và hoạt tính

Độ ổn định : Sản phẩm ổn định.

Các điều kiện phải tránh : không có.

Không tương thích với các vật liệu khác : tránh ngọn lửa, tia chớp và các nguồn kích khác.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại : Sản phẩm quá trình cháy bao gồm cacbon monoxit, cacbon dioxit và các hạt mịn trong sự hình thành của khói.

Polymer hóa : không xảy ra.

Mục 11: Thông tin về độc tính

Dữ liệu về độc tính : không có dữ liệu cho sản phẩm thương mại.

Tác nhân gây ung thư

IARC : được liệt bởi IARC.

NTP : được liệt bởi NTP

OSHA: được liệt bởi OSHA.

Ảnh hưởng tới sinh sản : không có dữ liệu.

Gây quái thai : không có dữ liệu

Gây đột biến : không có dữ liệu.

Bộ phận quan trọng : mắt và hệ hô hấp.

Mục 12: Thông tin sinh thái

Môi trường:

Cellulose tự phân hủy chậm trong nước (thời gian tồn tại khoảng 1 tháng đến 1 năm trong nước ngọt và nước lợ). Cellulose bền trong đất nhiễm chua.

Độc tính với môi trường: không có dữ liệu.

Mục 13: Xử lý chất thải

Biện pháp xử lý chất thải:

Chất thải phải được xử lý theo quy định của liên bang, bang hay các quy định về quản lý môi trường địa phương. Cellulose không được liệt trong bất kỳ mục nào của RCRA (Resource Conservation and Recovery Act) hay NPRI (Canadian National Pollution Release Inventory). Tuân thủ tất cả các quy định hiện hành của liên bang, bang, tỉnh. Trách nhiệm của người sử dụng là xác định các phương pháp xử lý phù hợp.

Mục 14: Thông tin vận chuyển:

Phương tiện (Hàng không, đường bộ, đường biển):

Không được xem là vật liệu nguy hại theo bộ giao thông Hoa Kỳ. Không được liệt là vật liệu nguy hại trong các quy định của TDG (Transportation of Dangerous Goods) của Canada. Tương tự đối với IATA và IMDG hay ADR (Agreement concerning the international carriage of dangerous goods by road).

Tên vận chuyển phù hợp : không có.

Phân loại nguy hại : không có.

Mã UN/NA : không có.

Nhóm đóng gói : không có.

Nhãn DOT được yêu cầu : không có.

Mục 15: Thông tin quy định khác

TSCA:

Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều không được liệt trong kho lưu trữ của TSCA hoặc được yêu cầu bởi TSCA trong mục 40 CFR 720.30.

CERCLA:

Sản phẩm này không chứa các thành phần được liệt trong CERCLA.

DSL:

Cellulose được liệt trong danh sách các hợp chất gia dụng của Canada.

REACH:

Sản phẩm này chứa ít hơn 0.1% bất kỳ hợp chất nào được quan tâm cao độ-những hợp chất được liệt trong REACH. Vì vậy, không cần đăng ký REACH, chú ý hay các điều kiện về giới hạn ứng dụng.

ENCS:

Cellulose không được liệt trong danh sách các hợp chất hóa học mới và hiện có của Nhật Bản (ENCS), cũng như là được quy định bởi bộ công nghiệp và thương mại quốc tế.

OSHA:

Sản phẩm này khi được vận chuyển không được liệt là mối nguy hại hóa học của OSHA, tuy nhiên bụi cellulose được xem là mối nguy hại trong OSHA [29 CFR 1910.1200] khi được xử lý cơ học và tạo bụi trọng không khí.

Thông tin SARA 313:

Sản phẩm này không chứa bất kỳ thành phần hóa học nào có chỉ số CAS vượt mức quy định *de minimis* (được ban hành bởi SARA, tiêu đề III, mục 313 và 40 CFR mục 372).

Phân loại nguy hại SARA 311/312.

Sản phẩm này đã được thông qua bởi EPA: Các hạng mục nguy hại: tiêu đề III, mục 311 và 312, các hạng mục sau:

Nguy hại tức thời đến sức khỏe	không
Nguy hại lâu dài đến sức khỏe	không
Nguy hại ăn mòn	không
Nguy cơ cháy	không
Nguy hại về khả năng phản ứng	không
Nguy hại về phát tán đột nhiên	không

Phân loại WHMIS: không là một sản phẩm được kiểm soát.

Mục 16: Thông tin khác**Lưu ý:**

Những thông tin trên là chính xác và trình bày những thông tin tốt nhất mà chúng tôi có. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo về tính thương mại và việc bảo hành của sản phẩm, và chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc sử dụng sản phẩm. Người sử dụng nên tự kiểm tra để xác định sự phù hợp của các thông tin trên cho mục đích cụ thể của mình. Tradeasia International Pte. Ltd. không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếu nại, tổn thất hay thiệt hại của bên thứ ba; hoặc bất kỳ hư hỏng gián tiếp, trực tiếp, ngẫu nhiên, bất cứ cách nào, ngay cả khi Tradeasia International Pte. Ltd. đã được thông báo về khả năng thiệt hại đó xảy ra.